

Số: /QĐ-BNNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực biển và hải đảo thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 379/QĐ-BNNMT ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực biển và hải đảo thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ký và thay thế:

- Các nội dung được quy định tại Điểm a và Điểm c, Điều 1 của Quyết định số 1299/QĐ-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực biển và hải đảo thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

- Quyết định số 1524/QĐ-BTNMT ngày 04 tháng 6 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố các thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực biển và hải đảo thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam, Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Đỗ Đức Duy;
- Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố có biển;
- Sở NN&MT các tỉnh, thành phố có biển;
- Sở TN&MT thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục Kiểm soát TTHC, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường: các Thứ trưởng;
các Vụ, Cổng thông tin điện tử Bộ, Báo Nông nghiệp
và Môi trường;
- Liên đoàn thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Lưu: VT, BHDVN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Minh Ngân

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHUẨN HOÁ LĨNH VỰC BIỂN VÀ HẢI ĐẢO
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ
NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số .../QĐ-BNNMT ngày ... tháng ... năm ... của
Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC
BIỂN VÀ HẢI ĐẢO THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA
BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
A	Thủ tục hành chính cấp trung ương				
1	1.001373	Khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo thông qua mạng điện tử (cấp TW)	Biển và Hải đảo	- Thông tư số 20/2016/TT-BTNMT ngày 25/8/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 23/2023/TT-BTNMT ngày 28/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
2	1.001371	Khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo thông qua phiếu yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu (cấp TW)	Biển và Hải đảo	- Thông tư số 20/2016/TT-BTNMT ngày 25/8/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 23/2023/TT-BTNMT ngày 28/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
3	1.000916	Cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam (cấp TW)	Biển và Hải đảo	Nghị định số 41/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
4	1.000886	Sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép	Biển và Hải đảo	Nghị định số 41/2016/NĐ-CP	Bộ Nông nghiệp và Môi trường

		nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam (cấp TW)		ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ	
5	1.000853	Gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học (cấp TW)	Biển và Hải đảo	Nghị định số 41/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
6	1.000835	Cấp lại quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học (cấp TW)	Biển và Hải đảo	Nghị định số 41/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
B	Thủ tục hành chính cấp tỉnh				
1	1.000705	Khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo thông qua phiếu yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu (cấp tỉnh)	Biển và Hải đảo	- Thông tư số 20/2016/TT-BTNMT ngày 25/8/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 23/2023/TT-BTNMT ngày 28/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
2	1.005181	Khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo thông qua mạng điện tử (cấp tỉnh)	Biển và Hải đảo	- Thông tư số 20/2016/TT-BTNMT ngày 25/8/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 23/2023/TT-BTNMT ngày 28/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC BIỂN VÀ HẢI ĐẢO THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

A. Thủ tục hành chính cấp trung ương

1. Tên thủ tục: Khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo thông qua mạng điện tử (cấp TW) (mã số TTHC: 1.001373)

1.1. Trình tự thực hiện

a) Bước 1: Gửi hồ sơ:

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo nộp Hồ sơ trực tuyến trên trang Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Nông Nghiệp và Môi trường tại địa chỉ: <http://dichvucong.mae.gov.vn>.

b) Bước 2: Kiểm tra hồ sơ:

Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu có trách nhiệm xem xét yêu cầu khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu của tổ chức, cá nhân. Chuyên viên xử lý hồ sơ phải kiểm tra tính chính xác về thành phần hồ sơ, tài liệu để bảo đảm hồ sơ đã đầy đủ và hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Hồ sơ yêu cầu chưa đầy đủ, cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu có trách nhiệm gửi thông tin phản hồi đến tổ chức, cá nhân hướng dẫn bổ sung thông tin. Việc thông báo, hướng dẫn được thực hiện bằng các hình thức phù hợp như: qua thư điện tử, thông qua chức năng gửi tin nhắn tới người dân của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

c) Bước 3: Thông báo và trả kết quả hồ sơ:

Hồ sơ nộp trực tuyến thì hệ thống sẽ cập nhật trạng thái nộp hồ sơ bổ sung và Hồ sơ sẽ được luân chuyển đến cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

- Trường hợp Hồ sơ đầy đủ, chính xác theo quy định: thông tin yêu cầu hợp lệ, cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu thực hiện việc cung cấp dữ liệu cho tổ chức, cá nhân:

+ Chuyên viên xử lý hồ sơ kiểm tra, xem xét danh mục dữ liệu mà tổ chức, cá nhân yêu cầu khai thác và sử dụng có thuộc danh mục cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo theo quy định tại Thông tư số 294/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 và rà soát lại thông tin dữ liệu trong kho cơ sở dữ liệu của cơ quan quản lý có đủ khả năng cung cấp. Đối soát để xác định danh mục dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo mà tổ chức, cá nhân yêu cầu khai thác, sử dụng có thuộc danh mục bí mật theo Quyết định số 1660/QĐ-TTg ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục bí mật nhà nước lĩnh vực tài nguyên và môi trường hay không;

+ Chuyên viên xử lý hồ sơ tính phí khai thác dữ liệu gửi thông báo nộp phí, lệ phí cho tổ chức, cá nhân khai thác trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ

tục hành chính. Thông báo nộp phí phải ghi rõ thời gian, địa điểm thu, nộp và số tiền mà tổ chức, cá nhân phải nộp;

+ Sau khi Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính hiển thị trạng thái đã nộp phí đối với trường hợp thanh toán trực tuyến, chuyên viên xử lý hồ sơ chuyển Bản sao dữ liệu và phiếu bàn giao cho chuyên viên tiếp nhận hồ sơ của Văn phòng Một cửa trước ít nhất 01 ngày làm việc so với thời gian hẹn trả kết quả cho tổ chức, cá nhân;

+ Trường hợp tổ chức, cá nhân không tiếp tục khai thác dữ liệu thì hệ thống tự động kết thúc quy trình xử lý hồ sơ.

- Trường hợp từ chối cung cấp dữ liệu thì cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu phải gửi thông báo nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân.

1.2. Cách thức thực hiện

a) *Cách thức nộp hồ sơ*: nộp Hồ sơ trực tuyến trên trang Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Nông Nghiệp và Môi trường tại địa chỉ: <http://dichvucong.mae.gov.vn>.

b) *Cách thức nhận kết quả giải quyết hồ sơ*: thông qua trang Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Nông Nghiệp và Môi trường tại địa chỉ: <http://dichvucong.mae.gov.vn>.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) *Thành phần hồ sơ*: yêu cầu được gửi qua mạng điện tử của cơ quan quản lý dữ liệu với các nội dung sau đây:

- Tên, địa chỉ của tổ chức; họ và tên, nơi cư trú, địa chỉ liên hệ, số chứng minh nhân dân hoặc số thẻ Căn cước công dân hoặc số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của cá nhân; số fax, điện thoại, địa chỉ thư điện tử (nếu có) của tổ chức, cá nhân;

- Danh mục và nội dung dữ liệu cần cung cấp;

- Mục đích khai thác và sử dụng dữ liệu;

- Hình thức khai thác và sử dụng dữ liệu, phương thức nhận kết quả.

b) *Số lượng hồ sơ*: Một (01) bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết

a) *Thời hạn kiểm tra hồ sơ*: Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu có trách nhiệm xem xét yêu cầu khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu của tổ chức, cá nhân.

- Trường hợp thông tin yêu cầu chưa đầy đủ, cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu có trách nhiệm gửi thông tin phản hồi đến tổ chức, cá nhân hướng dẫn bổ sung thông tin trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin yêu cầu;

- Trường hợp thông tin dữ liệu yêu cầu không có trong cơ sở dữ liệu của cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu hoặc thuộc danh mục bí mật không được cung

cấp, cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu có trách nhiệm thông báo bằng văn bản từ chối cung cấp dữ liệu trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định;

- Trường hợp thông tin dữ liệu yêu cầu thuộc danh mục bí mật mà tổ chức, cá nhân yêu cầu là cơ quan, tổ chức và người Việt Nam được giao thực hiện nhiệm vụ liên quan trực tiếp đến bí mật nhà nước được đề nghị cung cấp, chuyển giao bí mật nhà nước được quy định tại Luật Bảo vệ bí mật nhà nước, chuyên viên xử lý hồ sơ thông báo tổ chức, cá nhân đến làm việc trực tiếp.

b) Thời hạn giải quyết và trả kết quả:

- Đối với dữ liệu đơn giản: trong thời hạn chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ;

- Đối với dữ liệu phức tạp, cần phải có thời gian để xem xét, tìm kiếm, sao chép, trích xuất, tập hợp từ trong cơ sở dữ liệu: trong thời hạn chậm nhất là 20 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ;

- Trường hợp nội dung yêu cầu quá phức tạp, khối lượng lớn: trong thời hạn chậm nhất là 35 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ;

- Đối với trường hợp phải thực hiện nghĩa vụ tài chính: việc cung cấp dữ liệu được thực hiện sau khi tổ chức, cá nhân yêu cầu cung cấp dữ liệu thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân.

1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

- *Cơ quan có thẩm quyền quyết định:* Bộ Nông nghiệp và Môi trường

- *Cơ quan trực tiếp thực hiện:* Cục Biển và Hải đảo Việt Nam

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

- Mã truy cập một lần;

- Địa chỉ truy cập để tải dữ liệu;

- Tập tin đính kèm thư điện tử.

1.8. Phí, lệ phí: thực hiện theo quy định tại:

- Thông tư số 294/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;

- Thông tư số 74/2022/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hình thức, thời hạn thu, nộp, kê khai các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quy định của Bộ Tài chính;

- Thông tư số 55/2018/TT-BTC ngày 25 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của 07 Thông tư quy định thu phí trong lĩnh vực tài nguyên, môi trường.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai của thủ tục hành chính

Biểu mẫu số 02 trên giao diện của mạng điện tử của cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Việc khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu thông qua mạng điện tử chỉ được thực hiện khi dữ liệu được yêu cầu cung cấp có thể truyền tải qua mạng điện tử và cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu có đủ điều kiện để cung cấp dữ liệu qua mạng điện tử.

Trường hợp pháp luật có quy định về việc khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo qua mạng điện tử đối với dữ liệu cụ thể thì áp dụng quy định của pháp luật đó.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Thông tư số 20/2016/TT-BTNMT ngày 25/8/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về xây dựng, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

- Thông tư số 23/2023/TT-BTNMT ngày 28/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 20/2016/TT-BTNMT ngày 25/8/2016 quy định về xây dựng, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

Kính gửi:

1. Tên tổ chức, cá nhân yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu:.....

Số Căn cước công dân, ngày cấp, nơi cấp (đối với cá nhân):.....

2. Địa chỉ:.....

3. Số điện thoại, fax, E-mail:.....

4. Danh mục và nội dung thông tin, dữ liệu cần cung cấp:

.....

.....

5. Mục đích sử dụng thông tin, dữ liệu:

.....

.....

6. Hình thức khai thác, sử dụng và phương thức nhận kết quả (xem, đọc tại chỗ; sao chụp; nhận trực tiếp tại cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu hoặc gửi qua đường bưu điện...):

.....

.....

7. Cam kết sử dụng thông tin, dữ liệu:

.....

.....

NGƯỜI YÊU CẦU CUNG CẤP
THÔNG TIN, DỮ LIỆU¹

¹ Trường hợp là cơ quan, tổ chức yêu cầu cung cấp dữ liệu thì thủ trưởng cơ quan phải ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu; là cá nhân phải ký, ghi rõ họ tên.

2. Tên thủ tục: Khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo thông qua phiếu yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu (cấp TW) (mã số TTHC: 1.001371)

2.1. Trình tự thực hiện

a) Bước 1: Nộp hồ sơ:

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu nộp Hồ sơ yêu cầu trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tại Văn phòng Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC (Văn phòng Một cửa) của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, địa chỉ số 10 Tôn Thất Thuyết, Nam Từ Liêm, Hà Nội.

b) Bước 2: Kiểm tra hồ sơ:

Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu có trách nhiệm tiếp nhận văn bản, phiếu yêu cầu khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu của tổ chức, cá nhân. Trường hợp văn bản, phiếu yêu cầu chưa đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 14 Thông tư số 20/2016/TT-BTNMT, cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu có trách nhiệm hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung.

c) Bước 3: Thông báo và trả kết quả hồ sơ:

Trường hợp từ chối cung cấp dữ liệu thì cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

Trường hợp văn bản, phiếu yêu cầu hợp lệ, cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu thực hiện việc cung cấp dữ liệu cho tổ chức, cá nhân theo quy định tại khoản 5 Điều 14 Thông tư số 20/2016/TT-BTNMT.

2.2. Cách thức thực hiện

a) Cách thức nộp hồ sơ: nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu chính đến Văn phòng Một cửa của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

b) Cách thức nhận kết quả giải quyết hồ sơ: nhận trực tiếp tại Văn phòng Một cửa của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ: Phiếu yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu với các nội dung sau đây:

- Tên, địa chỉ của tổ chức; họ và tên, nơi cư trú, địa chỉ liên hệ, số chứng minh nhân dân, số thẻ Căn cước công dân, số hộ chiếu của cá nhân hoặc số định danh cá nhân; số fax, điện thoại, địa chỉ thư điện tử (nếu có) của tổ chức, cá nhân;

- Danh mục và nội dung dữ liệu cần cung cấp;

- Mục đích khai thác và sử dụng dữ liệu;

- Hình thức khai thác và sử dụng dữ liệu, phương thức nhận kết quả.

b) Số lượng hồ sơ: Một (01) bản.

2.4. Thời hạn giải quyết

a) *Thời hạn kiểm tra hồ sơ*: Thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản, phiếu yêu cầu.

Trường hợp văn bản, phiếu yêu cầu chưa đầy đủ các nội dung theo quy định, cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu có trách nhiệm hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản, phiếu yêu cầu.

b) *Thời hạn giải quyết và trả kết quả*:

- Đối với dữ liệu có thể cung cấp ngay: tổ chức, cá nhân được trực tiếp đọc, xem, nghe, ghi chép, sao chép, chụp tài liệu hoặc được cung cấp ngay bản sao, bản chụp tài liệu;

- Đối với dữ liệu đơn giản: trong thời hạn chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ;

- Đối với dữ liệu phức tạp, cần phải có thời gian để xem xét, tìm kiếm, sao chép, trích xuất, tập hợp từ trong cơ sở dữ liệu: trong thời hạn chậm nhất là 20 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ;

- Trường hợp nội dung yêu cầu quá phức tạp, khối lượng lớn: trong thời hạn chậm nhất là 35 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ;

- Đối với trường hợp phải thực hiện nghĩa vụ tài chính: việc cung cấp dữ liệu được thực hiện sau khi tổ chức, cá nhân yêu cầu cung cấp dữ liệu thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân.

2.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

- *Cơ quan có thẩm quyền quyết định*: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- *Cơ quan trực tiếp thực hiện*: Cục Biển và Hải đảo Việt Nam.

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

2.8. Phí, lệ phí: thực hiện theo quy định tại:

- Thông tư số 294/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;

- Thông tư số 74/2022/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hình thức, thời hạn thu, nộp, kê khai các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quy định của Bộ Tài chính;

- Thông tư số 55/2018/TT-BTC ngày 25 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của 07 Thông tư quy định thu phí trong lĩnh vực tài nguyên, môi trường.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai của thủ tục hành chính

Văn bản, phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường biển và hải đảo được quy định theo Mẫu số 02, Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14/06/2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Việc khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo thông qua phiếu yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu cung cấp dữ liệu được ưu tiên thực hiện theo các quy định của pháp luật chuyên ngành.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14/06/2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

- Thông tư số 20/2016/TT-BTNMT ngày 25/8/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về xây dựng, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;

- Thông tư số 23/2023/TT-BTNMT ngày 28/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 20/2016/TT-BTNMT ngày 25/8/2016 quy định về xây dựng, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

Kính gửi:

1. Tên tổ chức, cá nhân yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu:.....

.....
 Số Căn cước công dân, ngày cấp, nơi cấp (đối với cá nhân):.....

2. Địa chỉ:.....

3. Số điện thoại, fax, E-mail:.....

4. Danh mục và nội dung thông tin, dữ liệu cần cung cấp:

.....

5. Mục đích sử dụng thông tin, dữ liệu:

.....

6. Hình thức khai thác, sử dụng và phương thức nhận kết quả (xem, đọc tại chỗ; sao chụp; nhận trực tiếp tại cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu hoặc gửi qua đường bưu điện...):

.....

7. Cam kết sử dụng thông tin, dữ liệu:

.....

**NGƯỜI YÊU CẦU CUNG CẤP
 THÔNG TIN, DỮ LIỆU¹**

¹ Trường hợp là cơ quan, tổ chức yêu cầu cung cấp dữ liệu thì thủ trưởng cơ quan phải ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu; là cá nhân phải ký, ghi rõ họ tên.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

Kính gửi:

1. Người yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu:.....
.....
2. Nơi đang làm việc, học tập:.....
.....
3. Quốc tịch, Số Hộ chiếu:.....
.....
4. Số điện thoại, fax, E-mail:.....
.....
5. Danh mục và nội dung thông tin, dữ liệu yêu cầu cung cấp:.....
.....
6. Mục đích sử dụng thông tin, dữ liệu:.....
.....
7. Hình thức khai thác, sử dụng và phương thức nhận kết quả (xem, đọc tại chỗ; sao chụp; nhận trực tiếp tại cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu hoặc gửi qua đường bưu điện...)
.....
8. Cam kết của người yêu cầu sử dụng thông tin, dữ liệu:
.....

XÁC NHẬN CỦA TỔ CHỨC
NƠI ĐANG LÀM VIỆC, HỌC TẬP
(Ký xác nhận, đóng dấu)

NGƯỜI YÊU CẦU
(Ký, ghi rõ họ tên)

3. Tên thủ tục: Cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam (cấp TW) (mã số TTHC: 1.000916)

3.1. Trình tự thực hiện

a) Bước 1: nộp hồ sơ

Hồ sơ đề nghị cấp phép nghiên cứu khoa học gửi qua đường ngoại giao đến Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Trường hợp tổ chức nước ngoài là tổ chức liên Chính phủ thì gửi hồ sơ qua đường ngoại giao hoặc gửi trực tiếp đến Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Trường hợp tổ chức, cá nhân nước ngoài mà nước đó chưa có quan hệ ngoại giao với Việt Nam thì gửi hồ sơ trực tiếp đến Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Thời gian thực hiện: chậm nhất 06 tháng trước thời điểm dự kiến tiến hành nghiên cứu khoa học.

b) Bước 2: kiểm tra hồ sơ

Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra hình thức, thành phần, nội dung của hồ sơ, có văn bản thông báo cho tổ chức cá nhân nước ngoài về việc tiếp nhận hồ sơ trong trường hợp hồ sơ đầy đủ theo đúng quy định hoặc có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân nước ngoài về việc bổ sung, hoàn thiện hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo đúng quy định;

Thời gian kiểm tra hồ sơ: 05 ngày làm việc.

c) Bước 3: lấy ý kiến các cơ quan có liên quan

Bộ Nông nghiệp và Môi trường gửi văn bản kèm theo hồ sơ đề nghị cấp phép đến Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan có liên quan để lấy ý kiến về việc cấp phép nghiên cứu khoa học.

Thời gian lấy ý kiến: trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị cấp phép, Bộ Nông nghiệp và Môi trường có công văn gửi lấy ý kiến các cơ quan có liên quan, trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các cơ quan được lấy ý kiến phải có văn bản trả lời.

Đối với các trường hợp có khoan ở đáy biển, lòng đất dưới đáy biển mà có ý kiến không đồng ý của 01 trong các Bộ: Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường có văn bản thông báo đến tổ chức, cá nhân nước ngoài và yêu cầu tổ chức, cá nhân điều chỉnh nội dung nghiên cứu, chỉnh sửa và gửi lại hồ sơ đề nghị cấp phép.

Thời gian tổ chức, cá nhân điều chỉnh nội dung nghiên cứu, chỉnh sửa và gửi lại hồ sơ đề nghị cấp phép là trong vòng 30 ngày.

Trường hợp tổ chức, cá nhân nước ngoài không điều chỉnh nội dung nghiên cứu, chỉnh sửa và gửi lại hồ sơ đề nghị cấp phép trong thời hạn quy định,

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành văn bản thông báo đến tổ chức, cá nhân nước ngoài về việc từ chối cấp phép.

Trường hợp có yêu cầu hợp tác của phía Việt Nam đối với hoạt động nghiên cứu khoa học của tổ chức, cá nhân nước ngoài trong nội thủy, lãnh hải Việt Nam; nghiên cứu khoa học có khoan ở đáy biển, lòng đất dưới đáy biển, Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét, đánh giá khả năng và nhu cầu hợp tác của phía Việt Nam trên cơ sở ý kiến đề xuất hợp tác của các cơ quan và ban hành văn bản thông báo đến tổ chức, cá nhân nước ngoài về nội dung, yêu cầu hợp tác. Tổ chức, cá nhân nước ngoài phải trả lời bằng văn bản về việc đồng ý hay không đồng ý hợp tác.

Tổ chức, cá nhân nước ngoài phải trả lời bằng văn bản về việc đồng ý hay không đồng ý hợp tác là 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Trường hợp đồng ý hợp tác, tổ chức, cá nhân nước ngoài và phía Việt Nam trao đổi, thảo luận các nội dung và điều kiện hợp tác, ký văn bản thỏa thuận hợp tác gửi bổ sung vào hồ sơ đề nghị cấp phép đến Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

d) Bước 4: thẩm định hồ sơ

Bộ Nông nghiệp và Môi trường tổ chức thẩm định cấp phép, kết quả thẩm định phải được lập thành văn bản.

Thời gian thẩm định: 90 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị cấp phép nghiên cứu khoa học theo quy định.

đ) Bước 5: quyết định việc cấp phép nghiên cứu khoa học

Trên cơ sở kết quả thẩm định, trường hợp hồ sơ đề nghị cấp phép đáp ứng các yêu cầu, điều kiện theo quy định và có ý kiến thống nhất của Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ về việc cấp phép, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành quyết định cấp phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam.

Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp phép không đáp ứng các yêu cầu, điều kiện theo quy định hoặc thuộc một trong các trường hợp từ chối cấp phép theo quy định, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành văn bản thông báo đến tổ chức, cá nhân nước ngoài về việc từ chối cấp phép.

Trường hợp tổ chức, cá nhân nước ngoài không đồng ý hợp tác trong trường hợp có yêu cầu hợp tác của phía Việt Nam đối với hoạt động nghiên cứu khoa học của tổ chức, cá nhân nước ngoài trong nội thủy, lãnh hải Việt Nam; nghiên cứu khoa học có khoan ở đáy biển, lòng đất dưới đáy biển, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành văn bản thông báo đến tổ chức, cá nhân nước ngoài về việc từ chối cấp phép.

Thời gian xem xét ra quyết định cấp phép: chậm nhất trong thời hạn 120 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị cấp phép nghiên cứu khoa học theo quy định.

Thời hạn ra quyết định về việc cấp phép nghiên cứu khoa học đối với trường hợp nghiên cứu khoa học của tổ chức, cá nhân nước ngoài có khoan ở đáy biển, lòng đất dưới đáy biển; nghiên cứu khoa học trong nội thủy, lãnh hải Việt Nam trong trường hợp có yêu cầu hợp tác của phía Việt Nam theo quy định tại Điều 16 của Nghị định số 41/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 thì thời hạn 120 ngày xem xét ra quyết định cấp phép được tính từ ngày cơ quan tiếp nhận hồ sơ nhận được văn bản hợp tác nghiên cứu khoa học bổ sung vào hồ sơ hoặc nhận được hồ sơ đã điều chỉnh bổ sung nghiên cứu khoa học không có khoan ở đáy biển, lòng đất dưới đáy biển.

e) Bước 6: thông báo và trả kết quả hồ sơ

Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm gửi quyết định cấp phép hoặc văn bản thông báo từ chối cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam đến tổ chức, cá nhân nước ngoài, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan có liên quan.

3.2. Cách thức thực hiện

a) Cách thức nộp hồ sơ: tổ chức, cá nhân nước ngoài gửi hồ sơ đề nghị cấp phép nghiên cứu khoa học qua đường ngoại giao đến Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Trường hợp tổ chức nước ngoài là tổ chức liên chính phủ thì gửi hồ sơ qua đường ngoại giao hoặc gửi trực tiếp đến Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Trường hợp tổ chức, cá nhân nước ngoài mà nước đó chưa có quan hệ ngoại giao với Việt Nam thì gửi hồ sơ trực tiếp đến Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

b) Cách thức nhận kết quả giải quyết hồ sơ: Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm gửi quyết định cấp phép hoặc văn bản thông báo từ chối cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam đến tổ chức, cá nhân nước ngoài, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan có liên quan.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp phép nghiên cứu khoa học được lập theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 41/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016;

- Văn bản chứng minh tư cách pháp nhân theo quy định pháp luật của nước nơi tổ chức được thành lập nếu là tổ chức; văn bản chứng minh năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của nước nơi cá nhân mang quốc tịch nếu là cá nhân đề nghị cấp phép nghiên cứu khoa học;

- Văn bản hợp tác nghiên cứu khoa học giữa tổ chức, cá nhân nước ngoài và tổ chức, cá nhân Việt Nam trong trường hợp có hợp tác với phía Việt Nam ở khu vực biển dự kiến tiến hành nghiên cứu khoa học;

- Dự án hoặc kế hoạch nghiên cứu khoa học ở khu vực biển dự kiến tiến hành nghiên cứu khoa học.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3.4. Thời hạn giải quyết:

a) Thời hạn kiểm tra hồ sơ: trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.

b) Thời hạn lấy ý kiến: trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị cấp phép theo quy định, Bộ Nông nghiệp và Môi trường gửi văn bản kèm theo hồ sơ đề nghị cấp phép đến Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan có liên quan để lấy ý kiến về việc cấp phép nghiên cứu khoa học.

c) Thời hạn trả lời của các cơ quan được lấy ý kiến: trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

d) Thời hạn tiến hành thẩm định: trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị cấp phép nghiên cứu khoa học theo quy định.

đ) Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ: chậm nhất trong thời hạn 120 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường phải quyết định về việc cấp phép nghiên cứu khoa học.

Trường hợp hoạt động nghiên cứu khoa học của tổ chức, cá nhân nước ngoài có khoan ở đáy biển, lòng đất dưới đáy biển; nghiên cứu khoa học trong nội thủy, lãnh hải Việt Nam trong trường hợp có yêu cầu hợp tác của phía Việt Nam theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 41/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016, thời hạn 120 ngày được tính từ ngày cơ quan tiếp nhận hồ sơ nhận được văn bản hợp tác nghiên cứu khoa học bổ sung vào hồ sơ hoặc nhận được hồ sơ đã điều chỉnh nội dung nghiên cứu khoa học không có khoan ở đáy biển, lòng đất dưới đáy biển.

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân nước ngoài.

3.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

b) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cục Biển và Hải đảo Việt Nam.

c) Cơ quan phối hợp: Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan có liên quan.

3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định cấp phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam hoặc văn bản thông báo từ chối cấp phép nghiên cứu khoa học.

3.8. Phí, lệ phí: theo quy định tại Điều 4 Thông tư 07/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ Tài chính.

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai của thủ tục hành chính:

Mẫu số 01: Đơn đề nghị cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam.

Mẫu số 05: Quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam.

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức có tư cách pháp nhân theo quy định pháp luật của nước nơi tổ chức được thành lập; tổ chức quốc tế là tổ chức liên chính phủ; cá nhân có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định pháp luật của nước nơi cá nhân mang quốc tịch;

- Có nhu cầu nghiên cứu khoa học độc lập hoặc hợp tác nghiên cứu khoa học với phía Việt Nam; đối với trường hợp nghiên cứu khoa học trong nội thủy, lãnh hải Việt Nam thì phải có sự hợp tác với phía Việt Nam khi Việt Nam có yêu cầu;

- Hoạt động nghiên cứu khoa học vì mục đích hòa bình; không gây phương hại đến chủ quyền quốc gia, hoạt động quốc phòng, an ninh của Việt Nam; không gây ô nhiễm môi trường biển; không cản trở các hoạt động hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong vùng biển Việt Nam;

- Có đủ hồ sơ đề nghị cấp phép theo quy định.

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;

- Nghị định số 41/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết việc cấp phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam.

- Thông tư 07/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ Tài chính.

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Tên địa danh, ngày ... tháng ... năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC
TRONG VÙNG BIỂN VIỆT NAM**

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Môi trường

1. Thông tin chung

1.1. Tên dự án/kế hoạch hoạt động nghiên cứu khoa học:	
1.2. Tổ chức, cá nhân nước ngoài đề nghị cấp phép:	
Tên tổ chức, cá nhân nước ngoài:	
Quốc tịch:	
Địa chỉ:	
Chức danh, tổ chức nơi làm việc (nếu là cá nhân):	
Số điện thoại:	Email:
Trang thông tin điện tử của tổ chức, có lý lịch khoa học của cá nhân (nếu có):	
Tên và cơ quan chịu trách nhiệm điều phối dự án lớn (nếu như hoạt động nghiên cứu là một dự án nhỏ trong một dự án lớn hơn):	
1.3. Tổ chức, cá nhân Việt Nam hợp tác (nếu có):	
Tên tổ chức, cá nhân Việt Nam:	
Địa chỉ:	
Số điện thoại:	Email:
Trang thông tin điện tử của tổ chức, có lý lịch khoa học của cá nhân (nếu có):	
1.4. Tổ chức tài trợ (nếu có):	

Tên tổ chức:	
Người đại diện tổ chức:	
Địa chỉ:	
Số điện thoại:	Email:
Trang thông tin điện tử của tổ chức tài trợ (nếu có):	
1.5. Các nhà khoa học (nước ngoài) tham gia hoạt động nghiên cứu:	
Tên nhà khoa học:	Quốc tịch:
Chức danh, tổ chức nơi làm việc:	
Địa chỉ:	
Số điện thoại:	Email:
Trang thông tin điện tử có lý lịch khoa học của nhà khoa học (nếu có):	
1.6. Các nhà khoa học Việt Nam tham gia hoạt động nghiên cứu (nếu có):	
Tên nhà khoa học:	
Chức danh, tổ chức nơi làm việc:	
Địa chỉ:	
Số điện thoại:	Email:
Trang thông tin điện tử có lý lịch khoa học của nhà khoa học (nếu có):	

2. Mô tả hoạt động nghiên cứu

2.1. Mục tiêu của hoạt động nghiên cứu:
2.2. Nội dung và nhiệm vụ chính của hoạt động nghiên cứu:
2.3. Sản phẩm chính của hoạt động nghiên cứu:
2.4. Các hoạt động nghiên cứu đã tiến hành hoặc dự kiến sẽ tiến hành trong tương lai có liên quan đến hoạt động nghiên cứu:

2.5. Các công bố khoa học trước đây có liên quan đến hoạt động nghiên cứu:

3. Vị trí, tọa độ khu vực biển dự kiến tiến hành hoạt động nghiên cứu

3.1. Chỉ rõ vị trí, tọa độ khu vực biển dự kiến tiến hành các hoạt động nghiên cứu (nêu rõ cả vị trí, tọa độ và độ sâu của các điểm lấy mẫu, tuyến đường thực hiện nghiên cứu, vị trí của thiết bị nghiên cứu)

3.2. Bản đồ với tỉ lệ thích hợp thể hiện rõ vị trí, tọa độ khu vực biển dự kiến tiến hành hoạt động nghiên cứu, vị trí, tọa độ và độ sâu của các điểm lấy mẫu, tuyến đường thực hiện nghiên cứu, vị trí của thiết bị nghiên cứu (kèm theo Đơn đề nghị cấp phép)

4. Phương tiện và phương pháp nghiên cứu

4.1. Thông tin chi tiết của tàu thuyền:

Tên:	Loại:
Quốc tịch (quốc gia tàu mang cờ):	Số đăng ký (IMO/Lloyds No.):
Trang thông tin điện tử có sơ đồ và thông số kỹ thuật:	
Chủ sở hữu:	Chủ sử dụng:
Tổng chiều dài (mét):	Hạ thủy tối đa (mét):
Tổng trọng tải:	Động cơ:
Tốc độ tối đa:	Ký hiệu:
Tính năng kỹ thuật (mô tả chi tiết tính năng kỹ thuật của tàu thuyền nghiên cứu):	
Số INMARSAT, phương thức và khả năng liên lạc (bao gồm cả tần số trong trường hợp khẩn cấp):	
Tên thuyền trưởng:	Số thuyền viên:
Số các nhà khoa học trên tàu:	
Tài liệu có liên quan được yêu cầu theo các quy định và điều ước quốc tế:	
Các thông tin có liên quan khác:	
4.2. Thông tin chi tiết của tàu bay:	

Tên:	Loại:	
Quốc tịch (quốc gia tàu bay mang cờ):		
Trang thông tin điện tử có sơ đồ và thông số kỹ thuật:		
Chủ sở hữu:	Chủ sử dụng:	
Tổng chiều dài:	Tổng trọng tải:	
Tốc độ tối đa:		
Tính năng kỹ thuật (mô tả chi tiết tính năng kỹ thuật của tàu bay):		
Phương thức và khả năng liên lạc (bao gồm cả tần số trong trường hợp khẩn cấp):		
Chi tiết về gói cảm biến:		
Thông tin liên quan khác:		
4.3. Phương tiện nghiên cứu khác sử dụng:		
4.4. Thông tin chi tiết về các phương pháp và các công cụ nghiên cứu khoa học:		
Các loại mẫu vật và phương pháp lấy mẫu	Phương pháp sử dụng	Công cụ được sử dụng
4.5. Số lượng, tính chất của các chất đưa vào môi trường biển:		
4.6. Nêu rõ việc khoan ở đáy biển, lòng đất dưới đáy biển dự kiến sẽ được thực hiện (Nếu có, chỉ rõ vị trí, tọa độ, độ sâu của việc khoan; chi tiết về phương án kỹ thuật triển khai công tác khoan, phương án hủy giếng khoan, tác động đến môi trường và việc phục hồi môi trường đáy biển, lòng đất dưới đáy biển sau khi khoan):		
4.7. Nêu rõ hóa chất dự kiến sử dụng, vụ nổ dự kiến thực hiện (Nếu có, chỉ rõ loại, tên thương mại, thành phần hóa học, kích thước, độ sâu của vụ nổ, tần suất của vụ nổ và vị trí, tọa độ nơi dự kiến thực hiện):		

5. Thiết bị nghiên cứu

Thông tin chi tiết về các thiết bị nghiên cứu (bao gồm tên, loại thiết bị, hình vẽ mô tả (nếu có) ngày lắp đặt, phương thức, thời gian dự kiến cho việc bảo dưỡng, vị trí, độ sâu và phương pháp lắp đặt):

6. Lịch trình nghiên cứu

6.1. Dự kiến ngày đầu tiên và ngày cuối cùng thực hiện hoạt động nghiên cứu:

6.2. Chi tiết lịch trình của toàn bộ chuyến nghiên cứu:

7. Các cảng tàu sẽ dừng

7.1. Ngày và tên các cảng dự định dừng:

7.2. Dịch vụ dự kiến sử dụng tại cảng dừng (nếu có):

7.3. Tên/địa chỉ/số điện thoại của hãng tàu (nếu có):

8. Đăng ký thông tin liên lạc

8.1. Kiểu, loại máy thông tin liên lạc:

8.2. Tần số vô tuyến sử dụng:

8.3. Thời gian liên lạc trong ngày:

9. Sự tham gia của nhà khoa học Việt Nam

9.1. Số người, thời gian tham gia nghiên cứu:

9.2. Quyền lợi, nghĩa vụ của nhà khoa học Việt Nam:

9.3. Ngày dự kiến và các cảng đón, trả nhà khoa học Việt Nam:

10. Báo cáo, chuyển giao thông tin, dữ liệu, mẫu vật và kết quả nghiên cứu

10.1. Ngày dự kiến gửi cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam báo cáo kết quả nghiên cứu sơ bộ:

10.2. Ngày dự kiến gửi cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam báo cáo chính thức về kết quả nghiên cứu và các thông tin, dữ liệu, mẫu vật:

10.3. Phương thức gửi báo cáo, chuyển giao thông tin, dữ liệu, mẫu vật thu được từ hoạt động nghiên cứu:

10.4. Phương thức để cung cấp cho Việt Nam việc đánh giá thông tin, dữ liệu, mẫu vật và kết quả nghiên cứu:

10.5. Phương thức cung cấp sự hỗ trợ cho Việt Nam trong việc đánh giá, phân tích các thông tin, dữ liệu, mẫu vật và kết quả nghiên cứu:

10.6. Phương thức xây dựng báo cáo kết quả cuối cùng của hoạt động nghiên cứu trên phương diện quốc tế:

11. Các điều kiện và yêu cầu khác phải đáp ứng

Nêu rõ việc thực hiện các điều kiện và yêu cầu khác phải đáp ứng theo quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến hoạt động nghiên cứu:

12. Các tài liệu kèm theo

Nêu rõ các tài liệu gửi kèm theo.

Tổ chức/cá nhân làm đơn

(Ký tên, đóng dấu)

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-BNNMT

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm

QUYẾT ĐỊNH**Cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam
(sửa đổi, bổ sung)¹****BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 41/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết việc cấp phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Xét hồ sơ đề nghị cấp phép nghiên cứu khoa học/sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam của Ông/Bà/Tổ chức ... (tên tổ chức, cá nhân);

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Ông/Bà/Tổ chức ... (tên tổ chức, cá nhân, địa chỉ, quốc tịch) ... và Ông/Bà/Tổ chức ... (tên tổ chức, cá nhân Việt Nam trong trường hợp có hợp tác nghiên cứu khoa học) ... được tiến hành nghiên cứu khoa học trong nội thủy, lãnh hải Việt Nam².

Chấp thuận cho Ông/Bà/Tổ chức ... (tên tổ chức, cá nhân, địa chỉ, quốc tịch) ... và Ông/Bà/Tổ chức ... (tên tổ chức, cá nhân Việt Nam trong trường hợp có hợp tác nghiên cứu khoa học) ... được tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa Việt Nam³.

a) Mục tiêu của hoạt động nghiên cứu:

b) Nội dung chính của hoạt động nghiên cứu:

¹ Ghi trong trường hợp được sửa đổi, bổ sung.

² Áp dụng trong trường hợp cấp phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu khoa học trong nội thủy, lãnh hải Việt Nam.

³ Áp dụng trong trường hợp cấp phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa Việt Nam.

- c) Vị trí, tọa độ khu vực biển thực hiện hoạt động nghiên cứu:
- d) Phương pháp nghiên cứu; phương tiện, thiết bị nghiên cứu:
- đ) Vật liệu nổ, hóa chất độc được phép sử dụng để nghiên cứu (nếu có):....
- e) Lịch trình nghiên cứu:
- g) Các cảng đến và đi (nếu có):
- h) Tên, quốc tịch của các nhà khoa học nước ngoài; tên của các nhà khoa học Việt Nam tham gia hoạt động nghiên cứu:
- i) Thời hạn nghiên cứu: Từ ngày ... tháng ... năm đến ngày ... tháng ... năm

Điều 2. Ông/Bà/Tổ chức ... (*tên tổ chức, cá nhân*) ... có trách nhiệm:

- a) Thực hiện đúng các nội dung trong hồ sơ đề nghị cấp phép/hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam;
- b) Tuân thủ đúng các nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;
- c) Tuân thủ đúng quy định về công bố và chuyên giao thông tin, kết quả nghiên cứu khoa học theo quy định tại Điều 21 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;
- d) Tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về biển, hàng hải, hàng không, hải quan, thuế, lao động, y tế, xuất nhập cảnh, bảo vệ môi trường, quốc phòng, an ninh và các quy định khác có liên quan của pháp luật Việt Nam trong quá trình tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Điều 4. Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam, ... và Ông/Bà/Tổ chức ... (*tên tổ chức, cá nhân*) ... chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

-
-
- Lưu: VT,....

BỘ TRƯỞNG
(*Ký tên, đóng dấu*)

4. Tên thủ tục: Sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam (cấp TW) (mã số TTHC: 1.000886)

4.1. Trình tự thực hiện

a) Bước 1: nộp hồ sơ

Tổ chức, cá nhân nước ngoài gửi hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trực tiếp đến Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Thời gian gửi hồ sơ: chậm nhất 90 ngày trước ngày quyết định cấp phép hết hạn.

b) Bước 2: kiểm tra hồ sơ

Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra hình thức, thành phần, nội dung của hồ sơ, có văn bản thông báo cho tổ chức cá nhân nước ngoài về việc tiếp nhận hồ sơ trong trường hợp hồ sơ đầy đủ theo đúng quy định hoặc có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân nước ngoài về việc bổ sung, hoàn thiện hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo đúng quy định;

Thời gian tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ

c) Bước 3: lấy ý kiến các cơ quan có liên quan

Sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học theo quy định, Bộ Nông nghiệp và Môi trường phải thực hiện việc lấy ý kiến các cơ quan có liên quan theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 41/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016.

d) Bước 4: thẩm định hồ sơ

Bộ Nông nghiệp và Môi trường tổ chức thẩm định hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép, kết quả thẩm định phải được lập thành văn bản.

Thời gian thẩm định: trong thời hạn 50 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung.

đ) Bước 5: quyết định việc sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quyết định về việc đồng ý hoặc không đồng ý sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học; ban hành quyết định sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học hoặc ban hành văn bản thông báo trong trường hợp không đồng ý sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học.

Thời gian giải quyết hồ sơ: trong thời hạn 80 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định.

e) Bước 6: thông báo và trả kết quả hồ sơ

Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm gửi quyết định sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học hoặc văn bản thông báo không đồng ý sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam đến tổ chức, cá nhân nước ngoài, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan có liên quan.

4.2. Cách thức thực hiện

a) *Cách thức nộp hồ sơ*: gửi trực tiếp đến Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

b) *Cách thức nhận kết quả giải quyết hồ sơ*: Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm gửi quyết định sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép hoặc thông báo không đồng ý sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam đến tổ chức, cá nhân nước ngoài, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan có liên quan.

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) *Thành phần hồ sơ gồm*:

- Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học, trong đó nêu rõ nội dung, lý do sửa đổi, bổ sung được lập theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

- Báo cáo tình hình, kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học đã thực hiện đến thời điểm đề nghị sửa đổi, bổ sung;

- Bản sao quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học đã được cấp.

b) *Số lượng hồ sơ*: 01 bộ.

4.4. Thời hạn giải quyết:

a) *Thời hạn kiểm tra hồ sơ*: trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân nước ngoài về việc tiếp nhận hồ sơ trong trường hợp hồ sơ đầy đủ theo đúng quy định hoặc có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân nước ngoài về việc bổ sung, hoàn thiện hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo đúng quy định.

b) *Thời hạn tiến hành thẩm định*: trong thời hạn 50 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học theo quy định, Bộ Nông nghiệp và Môi trường phải hoàn thành việc tổ chức thẩm định.

c) *Thời hạn giải quyết hồ sơ*: trong thời hạn 80 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quyết định về việc đồng ý hoặc không đồng ý sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học; ban hành quyết định sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học hoặc ban hành văn bản thông báo trong trường hợp không đồng ý sửa đổi, bổ sung, gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học.

4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân nước ngoài.

4.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- a) *Cơ quan có thẩm quyền quyết định:* Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
- b) *Cơ quan trực tiếp thực hiện:* Cục Biển và Hải đảo Việt Nam.
- c) *Cơ quan phối hợp:* Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan có liên quan.

4.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học hoặc văn bản thông báo không đồng ý sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học.

4.8. Phí, lệ phí: theo quy định tại Điều 4 Thông tư 07/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ Tài chính.

4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai của thủ tục hành chính:

Mẫu số 02: Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam.

Mẫu số 05: Quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam (sửa đổi, bổ sung).

4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức, cá nhân nước ngoài đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học nộp đủ hồ sơ theo quy định;
- Đến thời điểm đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học, tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện đúng nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e và điểm g khoản 2 Điều 20 Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;
- Quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học còn hiệu lực.

4.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.
- Nghị định số 41/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết việc cấp phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam.
- Thông tư 07/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ Tài chính.

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN*Tên địa danh, ngày ... tháng ... năm***ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUYẾT ĐỊNH CẤP PHÉP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC TRONG VÙNG BIỂN VIỆT NAM**

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Môi trường

1. Thông tin chung

Tên dự án/kế hoạch hoạt động nghiên cứu khoa học:.....

Tên tổ chức, cá nhân:Quốc tịch:

Địa chỉ:.....

Số điện thoại:Email:.....

Đã được cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam theo Quyết định số ... /QĐ-BNNMT ngày ... tháng ... năm của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

2. Tóm tắt tình hình, kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học đã thực hiện.

3. Đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung Quyết định số ... /QĐ-BNNMT ngày ... tháng ... năm của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường:

- Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung:

- Lý do và giải trình đề nghị sửa đổi, bổ sung:

4. ... (Tên tổ chức, cá nhân) ... cam đoan thực hiện đúng các quy định của pháp luật về nghiên cứu khoa học trong vùng biển của Việt Nam và các quy định pháp luật khác có liên quan của Việt Nam.

5. Tài liệu gửi kèm theo đơn này:

- Báo cáo tình hình, kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học đã thực hiện.

- Bản sao quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học đã được cấp.

- Các tài liệu làm cơ sở giải trình, chứng minh cho đề nghị sửa đổi, bổ sung (nếu có)./.

Tổ chức/cá nhân làm đơn
(Ký tên, đóng dấu)

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-BNNMT

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm

QUYẾT ĐỊNH**Cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam
(sửa đổi, bổ sung)⁴****BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 41/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết việc cấp phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Xét hồ sơ đề nghị cấp phép nghiên cứu khoa học/sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam của Ông/Bà/Tổ chức ... (tên tổ chức, cá nhân);

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Ông/Bà/Tổ chức ... (tên tổ chức, cá nhân, địa chỉ, quốc tịch) ... và Ông/Bà/Tổ chức ... (tên tổ chức, cá nhân Việt Nam trong trường hợp có hợp tác nghiên cứu khoa học) ... được tiến hành nghiên cứu khoa học trong nội thủy, lãnh hải Việt Nam⁵.

Chấp thuận cho Ông/Bà/Tổ chức ... (tên tổ chức, cá nhân, địa chỉ, quốc tịch) ... và Ông/Bà/Tổ chức ... (tên tổ chức, cá nhân Việt Nam trong trường hợp có hợp tác nghiên cứu khoa học) ... được tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa Việt Nam⁶.

a) Mục tiêu của hoạt động nghiên cứu:

b) Nội dung chính của hoạt động nghiên cứu:

⁴ Ghi trong trường hợp được sửa đổi, bổ sung.

⁵ Áp dụng trong trường hợp cấp phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu khoa học trong nội thủy, lãnh hải Việt Nam.

⁶ Áp dụng trong trường hợp cấp phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa Việt Nam.

- c) Vị trí, tọa độ khu vực biển thực hiện hoạt động nghiên cứu:
- d) Phương pháp nghiên cứu; phương tiện, thiết bị nghiên cứu:
- đ) Vật liệu nổ, hóa chất độc được phép sử dụng để nghiên cứu (nếu có):....
- e) Lịch trình nghiên cứu:
- g) Các cảng đến và đi (nếu có):
- h) Tên, quốc tịch của các nhà khoa học nước ngoài; tên của các nhà khoa học Việt Nam tham gia hoạt động nghiên cứu:
- i) Thời hạn nghiên cứu: Từ ngày ... tháng ... năm đến ngày ... tháng ... năm

Điều 2. Ông/Bà/Tổ chức ... (*tên tổ chức, cá nhân*) ... có trách nhiệm:

- a) Thực hiện đúng các nội dung trong hồ sơ đề nghị cấp phép/hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam;
- b) Tuân thủ đúng các nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;
- c) Tuân thủ đúng quy định về công bố và chuyển giao thông tin, kết quả nghiên cứu khoa học theo quy định tại Điều 21 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;
- d) Tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về biển, hàng hải, hàng không, hải quan, thuế, lao động, y tế, xuất nhập cảnh, bảo vệ môi trường, quốc phòng, an ninh và các quy định khác có liên quan của pháp luật Việt Nam trong quá trình tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Điều 4. Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam, ... và Ông/Bà/Tổ chức ... (*tên tổ chức, cá nhân*) ... chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

-
-
- Lưu: VT,....

BỘ TRƯỞNG
(*Ký tên, đóng dấu*)

**5. Tên thủ tục: Gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học (cấp TW)
(mã số TTHC: 1.000853)**

5.1. Trình tự thực hiện

a) Bước 1: nộp hồ sơ

Tổ chức, cá nhân nước ngoài gửi hồ sơ đề nghị gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trực tiếp đến Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Thời gian nộp hồ sơ: chậm nhất là 90 ngày trước ngày quyết định cấp phép hết hạn.

b) Bước 2: kiểm tra hồ sơ

Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra hình thức, thành phần, nội dung của hồ sơ, có văn bản thông báo cho tổ chức cá nhân nước ngoài về việc tiếp nhận hồ sơ trong trường hợp hồ sơ đầy đủ theo đúng quy định hoặc có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân nước ngoài về việc bổ sung, hoàn thiện hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo đúng quy định;

Thời gian kiểm tra hồ sơ: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ.

c) Bước 3: lấy ý kiến các cơ quan có liên quan

Sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học theo quy định, Bộ Nông nghiệp và Môi trường phải thực hiện việc lấy ý kiến các cơ quan có liên quan theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 41/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016.

d) Bước 4: thẩm định hồ sơ

Bộ Nông nghiệp và môi trường tổ chức thẩm định đề nghị gia hạn quyết định cấp phép, kết quả thẩm định phải được lập thành văn bản.

Thời gian thẩm định: trong thời hạn 50 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ đề nghị gia hạn.

đ) Bước 5: quyết định việc gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quyết định về việc đồng ý hoặc không đồng ý gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học; ban hành quyết định gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học hoặc ban hành văn bản thông báo trong trường hợp không đồng ý gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học.

Thời gian giải quyết hồ sơ: trong thời hạn 80 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định.

e) Bước 6: thông báo và trả kết quả hồ sơ

Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm gửi quyết định gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học hoặc văn bản thông báo không đồng ý gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam đến

tổ chức, cá nhân nước ngoài, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan có liên quan.

5.2. Cách thức thực hiện

a) *Cách thức nộp hồ sơ*: gửi trực tiếp đến Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

b) *Cách thức nhận kết quả giải quyết hồ sơ*: Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm gửi quyết định gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học hoặc văn bản thông báo không đồng ý gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam đến tổ chức, cá nhân nước ngoài, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan có liên quan.

5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) *Thành phần hồ sơ*:

- Đơn đề nghị gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học, trong đó nêu rõ thời gian, lý do đề nghị gia hạn được lập theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 41/2016/NĐ-CP;

- Báo cáo tình hình, kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học đã thực hiện đến thời điểm đề nghị gia hạn;

- Bản sao quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học đã được cấp.

b) *Số lượng hồ sơ*: 01 bộ.

5.4. Thời hạn giải quyết:

a) *Thời hạn kiểm tra hồ sơ*: trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân nước ngoài về việc tiếp nhận hồ sơ trong trường hợp hồ sơ đầy đủ theo đúng quy định hoặc có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân nước ngoài về việc bổ sung, hoàn thiện hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo đúng quy định.

b) *Thời hạn tiến hành thẩm định*: trong thời hạn 50 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học theo quy định, Bộ Nông nghiệp và Môi trường phải hoàn thành việc tổ chức thẩm định.

c) *Thời hạn giải quyết hồ sơ*: trong thời hạn 80 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quyết định về việc đồng ý hoặc không đồng ý gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học; ban hành quyết định gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học hoặc ban hành văn bản thông báo trong trường hợp không đồng ý gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học.

5.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân nước ngoài.

5.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

a) *Cơ quan có thẩm quyền quyết định*: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

b) *Cơ quan trực tiếp thực hiện*: Cục Biển và Hải đảo Việt Nam.

c) *Cơ quan phối hợp*: Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan có liên quan.

5.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học hoặc văn bản thông báo trong trường hợp không đồng ý gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học.

5.8. Phí, lệ phí: theo quy định tại Điều 4 Thông tư 07/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ Tài chính.

5.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai của thủ tục hành chính:

Mẫu số 03: Đơn đề nghị gia hạn Quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam.

Mẫu số 06: Quyết định về việc gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam.

5.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học nộp đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 41/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 15 tháng 5 năm 2016;

- Thời điểm đề nghị gia hạn, tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện đúng nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e và g khoản 2 Điều 20 Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;

- Quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học đã được cấp còn hiệu lực và thời hạn còn lại ít nhất là 90 ngày.

5.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;

- Nghị định số 41/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết việc cấp phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam.

- Thông tư 07/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ Tài chính.

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN*Tên địa danh, ngày ... tháng ... năm*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN QUYẾT ĐỊNH CẤP PHÉP
NGHIÊN CỨU KHOA HỌC TRONG VÙNG BIỂN VIỆT NAM**

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Môi trường

1. Thông tin chung

Tên dự án/kế hoạch hoạt động nghiên cứu khoa học:

Tên tổ chức, cá nhân: Quốc tịch:

Địa chỉ:.....

Số điện thoại: Email:

Đã được cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam theo Quyết định số ... /QĐ-BNNMT ngày ... tháng ... năm của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

2. Tóm tắt tình hình, kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học đã thực hiện.

3. Đề nghị được gia hạn Quyết định số ... /QĐ-BNNMT ngày ... tháng ... năm của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường:

Lý do (nêu rõ lý do và giải trình) về đề nghị gia hạn:.....

Thời gian đề nghị gia hạn: Từ ngày ... tháng ... năm đến ngày ... tháng ... năm

4. ... (Tên tổ chức, cá nhân) ... cam đoan thực hiện đúng các quy định của pháp luật về nghiên cứu khoa học trong vùng biển của Việt Nam và các quy định pháp luật khác có liên quan của Việt Nam.

5. Tài liệu gửi kèm theo đơn này:

- Báo cáo tình hình, kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học đã thực hiện.
- Bản sao quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học đã được cấp./.

Tổ chức/cá nhân làm đơn
(Ký tên, đóng dấu)

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-BNNMT

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học
 trong vùng biển Việt Nam**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 41/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết việc cấp phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Xét hồ sơ đề nghị gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam của Ông/Bà/Tổ chức ... (tên tổ chức, cá nhân) ...;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Gia hạn thời hạn nghiên cứu khoa học đã được cấp phép tại Quyết định số .../QĐ-BNNMT ngày ... tháng ... năm ... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam.

Thời hạn gia hạn là ... ngày/tháng, kể từ ngày ... tháng ... năm

Ông/Bà/Tổ chức ... (tên tổ chức, cá nhân, địa chỉ, quốc tịch) ... có trách nhiệm:

.....

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Điều 3. Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam, ... và Ông/Bà/Tổ chức ... (tên tổ chức, cá nhân) ... chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

-

- Lưu: VT,....

BỘ TRƯỞNG

(Ký tên)

6. Tên thủ tục: Cấp lại quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học (cấp TW) (mã số TTHC: 1.000835)

6.1. Trình tự thực hiện

a) Bước 1: nộp hồ sơ

Tổ chức, cá nhân nước ngoài gửi hồ sơ đề nghị cấp lại quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trực tiếp đến Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

b) Bước 2: kiểm tra hồ sơ

Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra hình thức, thành phần, nội dung của hồ sơ đề nghị cấp lại quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học.

Thời gian thực hiện: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ.

c) Bước 3: quyết định việc cấp lại quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm cấp bản sao quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học cho tổ chức, cá nhân nước ngoài trong trường hợp hồ sơ đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 12 Nghị định số 41/2016/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15 tháng 5 năm 2016; trường hợp không đủ điều kiện cấp lại phải ban hành văn bản thông báo đến tổ chức, cá nhân nước ngoài.

d) Bước 4: thông báo và trả kết quả hồ sơ

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm cấp bản sao quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học cho tổ chức, cá nhân nước ngoài; trường hợp không đủ điều kiện cấp lại phải ban hành văn bản thông báo đến tổ chức, cá nhân nước ngoài.

6.2. Cách thức thực hiện

a) Cách thức nộp hồ sơ: gửi hồ sơ trực tiếp đến Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

b) Cách thức nhận kết quả giải quyết hồ sơ: Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm cấp bản sao quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học cho tổ chức, cá nhân nước ngoài; trường hợp không đủ điều kiện cấp lại phải ban hành văn bản thông báo đến tổ chức, cá nhân nước ngoài.

6.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp lại quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học, trong đó nêu rõ lý do đề nghị cấp lại được lập theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 41/2016/NĐ-CP;

- Báo cáo tình hình, kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học đã thực hiện đến thời điểm đề nghị cấp lại.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

6.4. Thời hạn giải quyết:

a) Thời hạn kiểm tra hồ sơ: trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ.

b) Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ: trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị cấp lại quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học theo quy định.

6.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân nước ngoài.

6.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Nông nghiệp và Môi trường quyết định việc cấp lại.

b) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cục Biển và Hải đảo Việt Nam.

6.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: bản sao Quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học hoặc văn bản thông báo đến tổ chức, cá nhân nước ngoài trong trường hợp không đủ điều kiện cấp lại.

6.8. Phí, lệ phí: theo quy định tại Điều 4 Thông tư 07/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ Tài chính.

6.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai của thủ tục hành chính

Mẫu số 04: Đơn đề nghị cấp lại Quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam.

6.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

a) Tổ chức, cá nhân nước ngoài đề nghị cấp lại quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học nộp đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Nghị định số 41/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 15 tháng 5 năm 2016;

b) Thời điểm đề nghị cấp lại tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện đúng nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e và g khoản 2 Điều 20 Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

6.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;

- Nghị định số 41/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết việc cấp phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam.

- Thông tư 07/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ Tài chính.

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Tên địa danh, ngày ... tháng ... năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI QUYẾT ĐỊNH CẤP PHÉP
NGHIÊN CỨU KHOA HỌC TRONG VÙNG BIỂN VIỆT NAM**

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Môi trường

1. Thông tin chung

Tên dự án/kế hoạch hoạt động nghiên cứu khoa học:

Tên tổ chức, cá nhân: Quốc tịch:

Địa chỉ:.....

Số điện thoại: Email:

Đã được cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam theo Quyết định số ... /QĐ-BNNMT ngày ... tháng ... năm của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

2. Tóm tắt tình hình, kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học đã thực hiện.

3. Đề nghị được cấp lại bản sao Quyết định số ... /QĐ-BNNMT ngày ... tháng ... năm của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường:

Lý do đề nghị cấp lại:

4. ... (Tên tổ chức, cá nhân)... cam đoan thực hiện đúng các quy định của pháp luật về nghiên cứu khoa học trong vùng biển của Việt Nam và các quy định pháp luật khác có liên quan của Việt Nam.

5. Gửi kèm theo đơn này Báo cáo tình hình, kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học đã thực hiện./.

Tổ chức/cá nhân làm đơn
(Ký tên, đóng dấu)

B. Thủ tục hành chính cấp tỉnh

1. Tên thủ tục: Khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo thông qua phiếu yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu (cấp tỉnh) (Mã số TTHC: 1.000705)

1.1. Trình tự thực hiện

a) Bước 1: Nộp hồ sơ:

Tổ chức có nhu cầu khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu gửi văn bản yêu cầu, phiếu yêu cầu đến cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu.

b) Bước 2: Kiểm tra hồ sơ:

Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu có trách nhiệm tiếp nhận văn bản, phiếu yêu cầu khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu của tổ chức, cá nhân. Trường hợp văn bản, phiếu yêu cầu chưa đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 14 Thông tư số 20/2016/TT-BTNMT và Điều 1 Thông tư số 23/2023/TT-BTNMT, cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu có trách nhiệm hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung. Trường hợp dữ liệu được yêu cầu không thuộc trách nhiệm cung cấp thì cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu phải thông báo cho tổ chức, cá nhân.

c) Bước 3: Thông báo và trả kết quả hồ sơ:

- Trường hợp từ chối cung cấp dữ liệu thì cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

- Trường hợp văn bản, phiếu yêu cầu hợp lệ, cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu thực hiện việc cung cấp dữ liệu cho tổ chức, cá nhân theo quy định tại khoản 5 Điều 14 Thông tư số 20/2016/TT-BTNMT.

1.2. Cách thức thực hiện

a) Cách thức nộp hồ sơ: nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu chính; văn bản yêu cầu của cơ quan nhà nước có thể được gửi qua đường công văn, fax.

b) Cách thức nhận kết quả giải quyết hồ sơ: nhận trực tiếp tại cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ: phiếu yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu với các nội dung sau đây:

- Tên, địa chỉ của tổ chức; họ và tên, nơi cư trú, địa chỉ liên hệ, số chứng minh nhân dân hoặc số thẻ Căn cước công dân hoặc số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của cá nhân; số fax, điện thoại, địa chỉ thư điện tử (nếu có) của tổ chức, cá nhân;

- Danh mục và nội dung dữ liệu cần cung cấp;

- Mục đích khai thác và sử dụng dữ liệu;

- Hình thức khai thác và sử dụng dữ liệu, phương thức nhận kết quả.

b) Số lượng hồ sơ: Một (01) bản.

1.4. Thời hạn giải quyết

a) *Thời hạn kiểm tra hồ sơ*: Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu có trách nhiệm tiếp nhận văn bản, phiếu yêu cầu khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu. Trường hợp văn bản, phiếu yêu cầu chưa đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 14 Thông tư số 20/2016/TT-BTNMT, cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu có trách nhiệm hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản, phiếu yêu cầu.

b) *Thời hạn giải quyết và trả kết quả*:

- Đối với dữ liệu có thể cung cấp ngay: tổ chức, cá nhân được trực tiếp đọc, xem, nghe, ghi chép, sao chép, chụp tài liệu hoặc được cung cấp ngay bản sao, bản chụp tài liệu;

- Đối với dữ liệu đơn giản: trong thời hạn chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ;

- Đối với dữ liệu phức tạp, cần phải có thời gian để xem xét, tìm kiếm, sao chép, trích xuất, tập hợp từ trong cơ sở dữ liệu: trong thời hạn chậm nhất là 20 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ;

- Trường hợp nội dung yêu cầu quá phức tạp, khối lượng lớn: trong thời hạn chậm nhất là 35 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ;

- Đối với trường hợp phải thực hiện nghĩa vụ tài chính: việc cung cấp dữ liệu được thực hiện sau khi tổ chức, cá nhân yêu cầu cung cấp dữ liệu thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân.

1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

- *Cơ quan có thẩm quyền quyết định*: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển.

- *Cơ quan trực tiếp thực hiện*: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

1.8. Phí, lệ phí: thực hiện theo quy định tại:

- Thông tư số 294/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;

- Thông tư số 74/2022/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hình thức, thời hạn thu, nộp, kê khai các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quy định của Bộ Tài chính;

- Thông tư số 55/2018/TT-BTC ngày 25 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của 07 Thông tư quy định thu phí trong lĩnh vực tài nguyên, môi trường.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai của thủ tục hành chính

Văn bản, phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường biển và hải đảo được quy định theo Mẫu số 02, Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14/06/2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Việc khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo thông qua phiếu yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu cung cấp dữ liệu được ưu tiên thực hiện theo các quy định của pháp luật chuyên ngành.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14/06/2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;
- Thông tư số 20/2016/TT-BTNMT ngày 25/8/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về xây dựng, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;
- Thông tư số 23/2023/TT-BTNMT ngày 28/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 20/2016/TT-BTNMT ngày 25/8/2016 quy định về xây dựng, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

Kính gửi:

1. Tên tổ chức, cá nhân yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu:.....

Số Căn cước công dân, ngày cấp, nơi cấp (đối với cá nhân):.....

2. Địa chỉ:.....

3. Số điện thoại, fax, E-mail:.....

4. Danh mục và nội dung thông tin, dữ liệu cần cung cấp:

.....

.....

5. Mục đích sử dụng thông tin, dữ liệu:

.....

.....

6. Hình thức khai thác, sử dụng và phương thức nhận kết quả (xem, đọc tại chỗ; sao chụp; nhận trực tiếp tại cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu hoặc gửi qua đường bưu điện...):

.....

.....

7. Cam kết sử dụng thông tin, dữ liệu:

.....

.....

NGƯỜI YÊU CẦU CUNG CẤP
THÔNG TIN, DỮ LIỆU¹

¹ Trường hợp là cơ quan, tổ chức yêu cầu cung cấp dữ liệu thì thủ trưởng cơ quan phải ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu; là cá nhân phải ký, ghi rõ họ tên.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

Kính gửi:

1. Người yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu:.....
.....
2. Nơi đang làm việc, học tập:.....
.....
3. Quốc tịch, Số Hộ chiếu:.....
.....
4. Số điện thoại, fax, E-mail:.....
.....
5. Danh mục và nội dung thông tin, dữ liệu yêu cầu cung cấp:.....
.....
6. Mục đích sử dụng thông tin, dữ liệu:.....
.....
7. Hình thức khai thác, sử dụng và phương thức nhận kết quả (xem, đọc tại chỗ; sao chụp; nhận trực tiếp tại cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu hoặc gửi qua đường bưu điện...):
.....
8. Cam kết của người yêu cầu sử dụng thông tin, dữ liệu:.....
.....

XÁC NHẬN CỦA TỔ CHỨC
NƠI ĐANG LÀM VIỆC, HỌC TẬP
(Ký xác nhận, đóng dấu)

NGƯỜI YÊU CẦU
(Ký, ghi rõ họ tên)

2. Tên thủ tục: Khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo thông qua mạng điện tử (cấp tỉnh) (Mã số TTHC: 1.005181)

2.1. Trình tự thực hiện

a) Bước 1: Gửi hồ sơ:

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo nộp Hồ sơ trực tuyến trên trang Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh.

b) Bước 2: Kiểm tra hồ sơ:

Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu có trách nhiệm xem xét yêu cầu khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu của tổ chức, cá nhân. Trường hợp thông tin yêu cầu chưa đầy đủ, cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu có trách nhiệm gửi thông tin phản hồi đến tổ chức, cá nhân hướng dẫn bổ sung thông tin.

c) Bước 3: Thông báo và trả kết quả hồ sơ:

Hồ sơ nộp trực tuyến thì hệ thống sẽ cập nhật trạng thái nộp hồ sơ bổ sung và Hồ sơ sẽ được luân chuyển đến cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

- Trường hợp thông tin yêu cầu hợp lệ, cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu thực hiện việc cung cấp dữ liệu cho tổ chức, cá nhân;

- Trường hợp từ chối cung cấp dữ liệu thì cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu phải gửi thông tin thông báo nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân.

2.2. Cách thức thực hiện

a) Cách thức nộp hồ sơ: nộp Hồ sơ trực tuyến trên trang Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh.

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu gửi yêu cầu bằng cách nhập các thông tin vào biểu mẫu trên giao diện của mạng điện tử của cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu.

b) Cách thức nhận kết quả giải quyết hồ sơ: thông qua mạng điện tử.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ: yêu cầu được gửi qua mạng điện tử của cơ quan quản lý dữ liệu với các nội dung sau đây:

- Tên, địa chỉ của tổ chức; họ và tên, nơi cư trú, địa chỉ liên hệ, số chứng minh nhân dân hoặc số thẻ Căn cước công dân hoặc số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của cá nhân; số fax, điện thoại, địa chỉ thư điện tử (nếu có) của tổ chức, cá nhân;

- Danh mục và nội dung dữ liệu cần cung cấp;

- Mục đích khai thác và sử dụng dữ liệu;

- Hình thức khai thác và sử dụng dữ liệu, phương thức nhận kết quả.

b) Số lượng hồ sơ: Một (01) bộ.

2.4. Thời hạn giải quyết

a) Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu có trách nhiệm xem xét yêu cầu khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu của tổ chức, cá nhân.

- Trường hợp thông tin yêu cầu chưa đầy đủ, cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu có trách nhiệm gửi thông tin phản hồi đến tổ chức, cá nhân hướng dẫn bổ sung thông tin trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin yêu cầu;

- Trường hợp thông tin dữ liệu yêu cầu không có trong cơ sở dữ liệu của cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu hoặc thuộc danh mục bí mật không được cung cấp, cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu có trách nhiệm thông báo bằng văn bản từ chối cung cấp dữ liệu trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định;

- Trường hợp thông tin dữ liệu yêu cầu thuộc danh mục bí mật mà tổ chức, cá nhân yêu cầu là cơ quan, tổ chức và người Việt Nam được giao thực hiện nhiệm vụ liên quan trực tiếp đến bí mật nhà nước được đề nghị cung cấp, chuyển giao bí mật nhà nước được quy định tại Luật Bảo vệ bí mật nhà nước, cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu thông báo tổ chức, cá nhân đến làm việc trực tiếp.

b) Thời hạn giải quyết và trả kết quả:

- Đối với dữ liệu đơn giản: trong thời hạn chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ;

- Đối với dữ liệu phức tạp, cần phải có thời gian để xem xét, tìm kiếm, sao chép, trích xuất, tập hợp từ trong cơ sở dữ liệu: trong thời hạn chậm nhất là 20 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ;

- Trường hợp nội dung yêu cầu quá phức tạp, khối lượng lớn: trong thời hạn chậm nhất là 35 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ;

- Đối với trường hợp phải thực hiện nghĩa vụ tài chính: việc cung cấp dữ liệu được thực hiện sau khi tổ chức, cá nhân yêu cầu cung cấp dữ liệu thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân.

2.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển.

Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

- Mã truy cập một lần;
- Địa chỉ truy cập để tải dữ liệu;
- Tập tin đính kèm thư điện tử.

2.8. Phí, lệ phí: thực hiện theo quy định tại:

- Thông tư số 294/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;
- Thông tư số 74/2022/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hình thức, thời hạn thu, nộp, kê khai các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quy định của Bộ Tài chính;
- Thông tư số 55/2018/TT-BTC ngày 25 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của 07 Thông tư quy định thu phí trong lĩnh vực tài nguyên, môi trường.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai của thủ tục hành chính

Biểu mẫu số 02 trên giao diện của mạng điện tử của cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu.

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Việc khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu thông qua mạng điện tử chỉ được thực hiện khi dữ liệu được yêu cầu cung cấp có thể truyền tải qua mạng điện tử và cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu có đủ điều kiện để cung cấp dữ liệu qua mạng điện tử.

Trường hợp pháp luật có quy định về việc khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo qua mạng điện tử đối với dữ liệu cụ thể thì áp dụng quy định của pháp luật đó.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Thông tư số 20/2016/TT-BTNMT ngày 25/8/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về xây dựng, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;
- Thông tư số 23/2023/TT-BTNMT ngày 28/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 20/2016/TT-BTNMT ngày 25/8/2016 quy định về xây dựng, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

Kính gửi:

1. Tên tổ chức, cá nhân yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu:.....

Số Căn cước công dân, ngày cấp, nơi cấp (đối với cá nhân):.....

2. Địa chỉ:.....

3. Số điện thoại, fax, E-mail:.....

4. Danh mục và nội dung thông tin, dữ liệu cần cung cấp:

.....
.....

5. Mục đích sử dụng thông tin, dữ liệu:

.....
.....

6. Hình thức khai thác, sử dụng và phương thức nhận kết quả (xem, đọc tại chỗ; sao chụp; nhận trực tiếp tại cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu hoặc gửi qua đường bưu điện...):

.....
.....

7. Cam kết sử dụng thông tin, dữ liệu:

.....
.....

**NGƯỜI YÊU CẦU CUNG CẤP
THÔNG TIN, DỮ LIỆU¹**

¹ Trường hợp là cơ quan, tổ chức yêu cầu cung cấp dữ liệu thì thủ trưởng cơ quan phải ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu; là cá nhân phải ký, ghi rõ họ tên.